

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2021/DS-ST

Ngày: 26-7-2021

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đình Dũng

- Ông Hoàng Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 21 và 26 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 459/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 120/5 đường PVD, phường NC, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích U, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số 195 đường ND, tổ 2, phường NC, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn Phạm Thị H, bị đơn Nguyễn Thị Bích U đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Phạm Thị H và bà Nguyễn Thị Bích U có mối quan hệ làm ăn với nhau. Bà H có cho bà U vay tiền 03 lần với tổng số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), cụ thể như sau:

- Ngày 05/4/2020 Âm lịch (ngày 27/5/2020 dương lịch), bà U vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay 02 (hai) tháng.

- Ngày 14/4/2020 Âm lịch (ngày 05/6/2020 dương lịch), bà U vay số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Thời hạn vay 02 (hai) tháng.

- Ngày 25/4/2020 Âm lịch (ngày 16/6/2020 dương lịch), bà U vay số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Thời hạn vay 02 (hai) tháng.

Hết thời hạn trả nợ, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà U trả nợ nhưng bà U vẫn không trả số tiền đã mượn cho bà H. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U phải trả cho bà H số tiền 110.000.000 đồng nợ gốc và 9.760.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 109.760.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H có thay đổi về yêu cầu trả nợ gốc và rút yêu cầu trả lãi. Cụ thể: Bà H trình bày tại thời điểm vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 27/5/2020 thì bà U có trả (góp) cho bà H 1.000.000 đồng sau đó thì không trả nữa. Vì vậy, bà H yêu cầu bà U phải trả số nợ gốc là 109.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu bà U trả lãi.

Tại bản tự khai ngày 23/11/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Bích U trình bày: Bà U thừa nhận có 03 (ba) lần vay (mượn) tiền của bà H nhưng sau đó lại thay đổi lời khai chỉ thừa nhận có vay tiền của bà H 02 (hai) lần vào các ngày 05 và 14 tháng 4 năm 2020 (âm lịch) với tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng nhưng đã trả toàn bộ số nợ trên cho bà H. Việc trả nợ được bà U thực hiện theo phương thức trả góp hàng ngày như thỏa thuận khi vay và có trả thông qua bà Dương Thị Thùy L vì từ ngày 21/4/2020 Âm lịch thì bà H bận việc gia đình nên nhờ bà L thu tiền giúp. Tuy nhiên, khi trả xong nợ thì vì tin tưởng nên bà U không lấy lại giấy mượn tiền đã viết khi vay. Ngoài ra, đối với số tiền 30.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 25/4/2020 Âm lịch (ngày 16/6/2020 dương lịch) thì bà U không thừa nhận là vay của bà H mà là vay của bà Dương Thị Thùy L, địa chỉ: Tổ 2, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi. Khoản vay này bà H khai cũng đã trả xong cho bà L. Vì vậy, bà U không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, 147, 157, 158, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 109.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần yêu cầu trả lãi. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn là Phạm Thị H khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn là Nguyễn Thị Bích U. Trong vụ án này, bị đơn Nguyễn Thị Bích U có địa chỉ cư trú tại: Số 195 đường Nguyễn Du, tổ 2, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về các hợp đồng vay:

Tại Bản tự khai ngày 23/11/2020 và Đơn trình bày ngày 28/12/2020 bị đơn Nguyễn Thị Bích U đều thừa nhận là có vay tiền của bà H 03 lần với tổng số tiền là 110.000.000 đồng nhưng sau đó lại thay đổi lời khai không thừa nhận khoản vay 30.000.000 đồng vào ngày 25/4/2020. Bà U cho rằng lần vay thứ 03 (ba) theo giấy mượn tiền đề ngày 25/4/2020 là vay của bà Dương Thị Thùy L. Tuy nhiên, bà L không thừa nhận việc bà L có cho bà U vay tiền theo giấy mượn tiền đề ngày 25/4/2020. Hội đồng xét xử xét thấy: Cả ba giấy mượn tiền đều không thể hiện thông tin người cho mượn. Tuy nhiên, đối với 02 giấy mượn tiền vào ngày 05/4/2020 Âm lịch (ngày 27/5/2020 dương lịch) và ngày 14/4/2020 Âm lịch (ngày 05/6/2020 dương lịch) thì bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích U đã thừa nhận người cho mượn (vay) là bà H. Đây là tình tiết, sự kiện không cần thiết phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối lần vay 30.000.000 đồng vào ngày 25/4/2020 thì lời khai của bị đơn Nguyễn Thị Bích U là có mâu thuẫn với nhau và không phù hợp với lời khai của Dương Thị Thùy L. Mặc khác, chính bà U cũng đã thừa nhận 03 (ba) lần vay của bà H nhưng sau đó lại thay đổi lời khai mà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh lời khai đã được thay đổi là đúng nên không có cơ sở để chấp nhận. Hiện tại, bà H là người đang giữ các giấy mượn tiền; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất trực tiếp tại phiên tòa giữa nguyên đơn, bị đơn và bà Dương Thị Thùy L thì xác định nguyên đơn Phạm Thị H có 03 (ba) lần cho bị đơn Nguyễn Thị Bích U vay (mượn) tiền cụ thể như sau:

- Ngày 05/4/2020 Âm lịch (ngày 27/5/2020 dương lịch), vay số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Thời hạn vay 02 (hai) tháng.

- Ngày 14/4/2020 Âm lịch (ngày 05/6/2020 dương lịch), vay số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Thời hạn vay 02 (hai) tháng.

- Ngày 25/4/2020 Âm lịch (ngày 16/6/2020 dương lịch), vay số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Thời hạn vay 02 (hai) tháng.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn Nguyễn Thị H thì khi mượn tiền vào ngày 5/4/2020 Âm Lịch tức ngày 27/5/2020 Dương lịch thì sau khi bị đơn nhận tiền xong có trả (góp) cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng và sau đó thì không thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn. Bị đơn Nguyễn Thị Bích U thì cho là đã trả toàn bộ số tiền vay cho nguyên đơn bao gồm cả tiền lãi. Tòa án đã yêu cầu bị đơn giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh bị đơn đã trả nợ cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có giao nộp 04 (bốn) USB trong đó có chứa nhiều file ghi âm các cuộc đàm thoại giữa nguyên đơn với bị đơn, bị đơn với bà Dương Thị Thùy L nhưng tất cả đều không thể hiện nội dung bị đơn đã trả toàn bộ số nợ cho nguyên đơn. Ngoài ra, bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh bị đơn đã trả toàn bộ số nợ cho nguyên đơn. Do đó, việc bị đơn khai đã trả toàn bộ số nợ cho nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Hiện tại, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại cả ba giấy mượn tiền đều đã hết hạn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 109.000.000 đồng tiền nợ gốc là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2020, thì nguyên đơn Phạm Thị H có yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Bích U phải trả số tiền lãi chậm trả là 9.760.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút yêu cầu về tiền lãi; không yêu cầu bị đơn phải trả lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nguyên đơn rút yêu cầu về tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ theo quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi chậm trả của nguyên đơn Phạm Thị H.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị H được chấp nhận nên theo quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn Nguyễn Thị Bích U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: $109.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.450.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.994.000 đồng.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244; các điều 144, 147, 186, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị H; buộc bị đơn Nguyễn Thị Bích U phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị H số tiền là: 109.000.000 đồng (*Một trăm lẻ chín triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về 9.760.000 đồng tiền lãi chậm trả của nguyên đơn Phạm Thị H đối với bị đơn Nguyễn Thị Bích U.

3. Về án phí:

Bị đơn Nguyễn Thị Bích U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 5.450.000 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.994.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005417 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hòa

